

TÌM HIỂU VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG PHẬT GIÁO

Tóm tắt: Ngay buổi đầu hình thành, Phật giáo đã thể hiện tinh thần cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh trong giáo lý của Đức Phật. Tinh thần Lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ) là con đường dẫn đến sự giác ngộ, mà điều đầu tiên phải thực hiện được là thực hành bố thí. Các hình thức hoằng pháp của Phật giáo không những làm cho nhiều cuộc đời được giải thoát hay bớt đau khổ mà còn góp phần làm cho các nhà nước, xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Trong đó, nổi bật là các vấn đề về an sinh xã hội, công bằng xã hội, nhất là công tác từ thiện xã hội - điều mà Đức Phật luôn đề cao và chú trọng. Bài viết này tìm hiểu về an sinh xã hội và giá trị của an sinh xã hội trong Phật giáo.

Từ khóa: An sinh xã hội; giá trị; Phật giáo.

1. Về an sinh xã hội

An sinh xã hội là một hệ thống bảo đảm mức độ hài lòng của xã hội. Năm 1850, sau cuộc cách mạng công nghiệp làm cho đời sống của công nhân gặp rất nhiều khó khăn, nhất là khi ốm đau bị mất việc và khi tuổi già, lần đầu tiên ở Đức, nhiều bang đã thành lập quỹ ốm đau và yêu cầu công nhân phải đóng góp để dự phòng khi bị giảm thu nhập vì bệnh tật.

Từ đó, xuất hiện hình thức bắt buộc đóng góp. Đến cuối những năm 1880, an sinh xã hội đã có sự đóng góp bắt buộc của giới chủ và nhà nước. Mô hình này ở Đức đã lan dần ra châu Âu, sau đó sang các nước Mỹ Latinh, rồi đến Bắc Mỹ vào những năm 30 của thế kỷ XX. Sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, an sinh xã hội đã lan rộng sang các nước giành được độc lập ở nhiều nơi trên thế giới.

* Chùa Tân Đức, Châu Thành, Bến Tre.

Ngày nhận bài: 13/6/2018; Ngày biên tập: 18/6/2018; Ngày duyệt đăng: 25/6/2018.

Năm 1935, đạo luật đầu tiên về an sinh xã hội (Social Security) xuất hiện ở Mỹ, từ đó thuật ngữ an sinh xã hội được chính thức sử dụng. Đến năm 1941, trong Hiến chương Đại Tây Dương và sau đó Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) chính thức dùng thuật ngữ này trong các công ước quốc tế. An sinh xã hội đã được tất cả các nước thừa nhận là một trong những quyền con người.

Nội dung của an sinh xã hội đã được ghi nhận trong *Tuyên ngôn Nhân quyền* do Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1948. Trong bản Tuyên ngôn có viết: *Tất cả mọi người với tư cách là thành viên của xã hội có quyền hưởng an sinh xã hội. Quyền đó đặt cơ sở trên sự thỏa mãn các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa cần cho nhân cách và sự tự do phát triển con người....*

Theo Liên Hiệp Quốc, an sinh xã hội tiếp cận trên quyền của người dân (Điều 25, Hiến chương Liên Hiệp Quốc năm 1948): ... Mọi người dân và hộ gia đình đều có quyền có một mức tối thiểu về sức khỏe và các phúc lợi xã hội bao gồm ăn, mặc, chăm sóc y tế (bao gồm cả thai sản), dịch vụ xã hội thiết yếu và có quyền được an sinh khi có các biến cố về việc làm, ốm đau, tàn tật, góa phụ, tuổi già... hoặc các trường hợp bất khả kháng khác....

Theo Ngân hàng Thế giới (WB): An sinh xã hội là những biện pháp của chính phủ nhằm giúp cho các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng đương đầu và kiềm chế được nguy cơ tác động đến thu nhập nhằm giảm tính dễ bị tổn thương và những bấp bênh thu nhập.

Ở Việt Nam, thuật ngữ an sinh xã hội được tiếp cận dưới nhiều tên gọi khác nhau, như: bảo trợ xã hội, bảo tồn xã hội, bảo đảm xã hội, trật tự an toàn xã hội.

Cũng có quan điểm cho rằng, an sinh xã hội trước hết là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình nhờ một loạt các biện pháp công cộng nhằm giúp đỡ chống lại sự thiếu hụt về kinh tế mà họ có thể gặp phải do mất đi hoặc bị giảm quá nhiều nguồn thu nhập bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Ngoài ra, an sinh xã hội còn thể hiện sự giúp đỡ, chăm sóc về văn hóa, y tế và trợ giúp cho các gia đình góp phần ổn định và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Có thể hiểu “an sinh xã hội” một cách chung nhất là sự bù đắp một phần thu nhập cho người lao động và gia đình khi họ bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất hoặc có những sự kiện pháp lý khác, cho người có công với cách mạng; cho những người già cô đơn không nơi nương tựa, cho trẻ em mồ côi, cho người tàn tật, cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn, gặp thiên tai, dịch bệnh và cho những người nghèo đói trong xã hội.

Những dẫn giải trên cho thấy, có nhiều cách hiểu khác nhau về an sinh xã hội. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): “An sinh xã hội là một sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một số biện pháp được áp dụng rộng rãi để đương đầu với những khó khăn, các cú sốc về kinh tế và xã hội làm mất hoặc suy giảm nghiêm trọng thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật do lao động, mất sức lao động hoặc tử vong. Cung cấp chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình nạn nhân có trẻ em”¹.

An sinh xã hội gồm: Bảo hiểm xã hội, các dịch vụ do chính phủ cung cấp, các an sinh cơ bản, như: thực phẩm, quần áo, nhà ở, giáo dục, tiền bạc, chăm sóc y tế. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam quản lý nhà nước về các lĩnh vực việc làm, dạy nghề, lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới chống tệ nạn xã hội.

An sinh xã hội được thể hiện bằng cách này hay cách khác trong truyền thống của hầu hết các tôn giáo, các tổ chức nhân đạo, các công ty, doanh nghiệp đều tham gia hoạt động từ thiện, góp phần an sinh xã hội. Ví dụ, An sinh xã hội tại Australia, Pháp, Hoa Kỳ, Thụy Điển, Phần Lan, v.v...; Phúc lợi xã hội tại New Zealand; Công giáo có tổ chức Từ thiện Caritas; Islam giáo có hình thức Zakat (Từ thiện) nhằm cung cấp các thứ cần thiết cho người nghèo, người già, trẻ mồ côi, góa phụ, người tàn tật.

Tương tự, các kinh điển Phật giáo luôn khuyến khích từ bi, làm việc thiện, bố thí... Trong rất nhiều chuyện tiền thân, Đức Phật khi còn là Bồ Tát đã từng bố thí tài sản, vợ con, thân mạng để giúp đỡ người khổn khổ.

Ngày nay, tại Việt Nam, công tác từ thiện, an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của Phật tử đã phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu tốt đẹp.

2. Quan niệm của Phật giáo về an sinh xã hội

Trong Kinh Tạng đã thể hiện rất rõ giáo lý của Đức Phật về lòng từ bi, bố thí. Đức Phật đã dạy đệ tử rất thiết thực trong từng hành vi, như: thăm bệnh, giúp người nghèo khó, giúp người trong lúc sinh sản, xây cầu, đắp đường, đóng thuyền, cất nhà... được ghi lại trong các tập Kinh, như: Kinh Ưu Bà Tắc Giới, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Phạm Võng, Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, Kinh Luật Tứ Phần, Kinh Ma Ý, Kinh Tăng Nhất A Hàm, Kinh Nhân - Quả, Kinh Bách Dụ, Kinh Niết Bàn, Kinh Bồ Tát Xử Thai, Kinh Pháp Cú, Kinh Luận Đại Trượng Phu, Kinh Phân Biệt Nghiệp Báo, Kinh Bảo Tích, v.v...

Thời còn tại thế, khi giảng về nhân duyên, Đức Phật cho rằng hết thảy chúng sinh trong đời này đều do nhân duyên hòa hợp, nương tựa vào nhau, đồng thời lấy tư tưởng “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” và “đồng thể cộng sinh” làm cơ sở để thúc đẩy, phát triển hoạt động từ thiện xã hội.

Trong *Kinh Công Đức Ruộng Phước*, Đức Phật dạy về bảy pháp bố thí để tăng trưởng công đức phước báo, là nền tảng để thiết lập cái chung cho cộng đồng xã hội: *Một*, xây dựng chùa tháp thờ Phật và lầu gác phòng ốc cho chúng Tăng ở. *Hai*, dựng lập vườn cây ăn trái, ao tắm, cây cối trong sạch mát mẻ để phục vụ mọi người. *Ba*, thường bố thí thuốc thang chữa trị cứu giúp những người tật bệnh. *Bốn*, làm thuyền bè chắc đũa đón nhân dân qua lại trên sông. *Năm*, lấp đặt cầu cống giúp người gầy yếu đi qua lại được thuận lợi. *Sáu*, gần đường đào giếng để người khát nước mỗi một được uống. *Bảy*, tạo lập nhà vệ sinh đặt chỗ tiện lợi. Đây là bảy việc được phước Phạm Thiên.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo Bắc truyền, đã ghi lại Đức Phật khuyên đệ tử hành thiện, làm công đức là con đường tu tập hướng đến giải thoát khổ đau: “Dầu cho tạo tội hơn núi cả; Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng², hoặc là: “Nếu Thiện nam tử! Thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp, thời

sau khi Như Lai diệt độ sẽ đăng kinh Pháp Hoa này: Một là được các Đức Phật hộ niệm, hai là trồng các cội công đức, ba là trong chính định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sinh”³.

Giáo lý Phật giáo tựu trung vào ba điểm chính: *Bi, Trí, Dũng*. Trí là sự hiểu biết rộng lớn. Nhờ sự hiểu biết rộng lớn đó mà lòng thương yêu được sáng suốt và không bị dục trối buộc. Dũng cũng là một đức tính tích cực. Lòng Dũng của Phật giáo một mặt là chiến thắng dục vọng của tự thân, một mặt là xả bỏ cả bản thân mình mà cứu độ chúng sinh. Một cách nhìn khác, chúng ta thấy giáo lý Phật giáo rất logic trong tinh thần Vô ngã - Vị tha. Nhờ Vô ngã mà Từ Bi được hiện hữu.

Tinh thần vô ngã, vị tha, khuyên con người sống có trách nhiệm với cộng đồng, biết thể hiện lòng nhân ái của mình đến với người khác. Có thể thấy, Đức Phật đã thể hiện rõ “Tâm từ bi”, lòng luôn trắc ẩn vì nhân sinh, đem thiện tâm để ban niềm vui, an lạc, phước lành cho chúng sinh. Những việc làm như phóng sinh, tu phước, làm việc thiện chính là con đường để giúp con người có được một cuộc sống bình an, chuyển hóa được tai ương.

3. Giá trị của an sinh xã hội trong Phật giáo

3.1. Đề cao giá trị con người

3.1.1. Giá trị đạo đức

Với triết lý từ bi, hỷ xả, khuyến khích con người hướng thiện, đạo Đức Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, có tác dụng hoàn thiện nhân cách đạo đức, hướng con người đến lối sống, vị tha, bình đẳng, bác ái. Thực tế cho thấy, đạo đức Phật giáo phù hợp với đạo đức lễ sống của con người Việt Nam và đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng một nền tảng đạo đức mới cho xã hội trên cơ sở kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống.

An sinh xã hội của Đức Phật là nêu cao giá trị làm người. Mặc dù nhận thức được bản chất vô thường, giả tạm và không thật của tập hợp ngũ uẩn, Đức Phật đã không có thái độ phủ nhận giá trị hiện hữu của con người, vì ít ra con người còn có thể vận dụng được xác thân ngũ uẩn ấy cho công cuộc chuyển hóa vô minh và giải thoát phiền não khổ

đau đối với tự thân và tha nhân. Trong mối tương quan tương duyên của cộng đồng xã hội, mỗi người đều có giá trị hiện hữu bình đẳng như nhau. Không ai có quyền nhân danh bất cứ thế lực gì để chà đạp lên quyền sống và quyền làm người của kẻ khác. Làm người ai cũng muốn bảo vệ sự sống và sợ cái chết, ai cũng tránh khổ đau và mưu cầu hạnh phúc, ai cũng có sự tôn nghiêm trong tư cách làm người, cho nên phẩm giá của con người là giá trị phổ quát, không một ai có thể chối bỏ hay chà đạp.

Sau khi dựng lại giá trị làm người, Đức Phật đã chỉ ra khả năng vốn có của con người. Theo lý thuyết tất yếu của nghiệp và định luật hiển nhiên của nhân quả, khổ đau hay hạnh phúc là do chính con người tạo ra từ cơ năng thừa hành của tâm thức chủ đạo. Tạo tác nghiệp thiện hay ác, thọ nhận an lạc hay khổ đau đều do tâm thức dẫn đầu. Không có tâm thức tác ý, không có tâm thức điều động thì thân khẩu không làm sao tạo nghiệp. “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe”⁴.

Căn nguyên của những vấn đề bất công, tham nhũng, trộm cướp, không an ninh, bất ổn, bệnh tật, nghèo khó,... chính là từ cá nhân mỗi người. Nếu từng cá nhân tự chuyển hóa tâm thức để giải tỏa những vấn đề trong chính họ, nghĩa là họ đã giảm trừ hay tận diệt vô minh và các phiền não gây ra bất an khổ não, thì xã hội bớt đi một thành viên tác tạo những vấn đề khó khăn. Khi một cá nhân trở thành người hoàn thiện, người tốt sống lợi ích cho mình và người, thì cộng đồng xã hội có thêm một thành viên kiến tạo hòa bình, an lạc và thịnh vượng. Một người thiện, nhiều người thiện thì xã hội sẽ trở thành thiện.

Đức Phật đã đưa ra những phương thức chuyển hóa vừa mang tính triệt để cho từng cá nhân, vừa mang tính phổ cập cho quảng đại quần chúng nhân sinh, chẳng hạn: Ngũ giới, Thập thiện, Tứ nhiếp pháp, Lục độ. Một người khi thực hành Ngũ giới, Thập thiện, Tứ nhiếp pháp, Lục độ không những mang lại lợi ích đời sống an lạc và giải thoát cho cá nhân, mà còn đem lại sự ổn định trật tự, an ninh, an lạc, tinh thần tích cực dần thân, lòng thương yêu, cứu giúp, đời sống văn

hóa đạo đức, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội... Đặc biệt, giáo nghĩa Lục độ là nền tảng xây dựng Bồ Tát đạo, mà Bồ Tát đạo là con đường vị tha toàn diện, lấy việc cứu độ khổ ách cho chúng sinh làm bản hạnh nguyện để qua đó tu tập và khai mở tâm đại từ bi, đồng thời phát huy diệu dụng của trí tuệ Bát - Nhã để thành tựu mục đích tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Ngoài những trình độ cá nhân, để giải phóng mình ra khỏi khổ đau của luyến ái buộc ràng, Phật giáo còn công nhận gia đình là một đơn vị của xã hội. Tất cả những thành viên trong gia đình như cha mẹ, anh em, vợ chồng... đều là những tác nhân có thể góp phần làm cho xã hội ngày thêm vững mạnh. Điều quan trọng là tất cả những thành viên đó phải ý thức được trách nhiệm của mình về những công việc mang tính đạo đức hơn là sự ràng buộc lẫn nhau.

Với tinh thần tôn trọng và đề cao con người, đặt con người vào vị trí trung tâm, nên các hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo ra đời là để đáp ứng nhu cầu cấp thiết cần nhận hỗ trợ của những con người cụ thể để vượt qua khó khăn hiện tại của chính họ. Do đó, trong mỗi hoạt động của mình Phật giáo đều làm cho giá trị, nhân phẩm và quyền con người luôn được đặt lên hàng đầu. Chùa là nơi tâm niệm cứu độ chúng sinh bình đẳng. Không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác, địa vị trong xã hội, bất cứ ai gặp khó khăn, bất trắc trong cuộc sống, bị ruồng bỏ, không nơi nương tựa khi tìm đến của chùa đều được nhà chùa giúp đỡ, cứu mang. Không những thế, tinh thần Phật giáo còn đến với người gặp khó khăn về sức khỏe nơi bệnh viện qua các bữa cháo từ thiện; đến với người già, neo đơn qua tấm áo tình thương; đến với người nghèo khó qua những đồ sinh hoạt thường ngày: gạo, muối đến với trẻ em vùng cao qua áo ấm, qua những lớp học khang trang; đến với gia đình có công với cách mạng bằng những ngôi nhà tình nghĩa, đến với đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt, người bị tai nạn giao thông.

Đề cao giá trị cá nhân của mỗi con người, các hoạt động hỗ trợ của Phật giáo cũng đặt yếu tố tinh thần ở tầm quan trọng, không chỉ dừng ở mức cứu trợ tạm thời mà còn đặc biệt quan tâm tới công tác giáo dục, hướng thiện con người.

3.1.2. *Giá trị tinh thần*

Đây là hoạt động đặc trưng của Phật giáo trong mục tiêu hoằng pháp. Theo đó, với mỗi chúng sinh, tùy từng căn cơ khác nhau mà người hoằng pháp sẽ tùy duyên mà hóa độ. Người khát cho nước, người đói cho ăn, người rét cho áo ấm, người bệnh cho thuốc, người đau khổ cho cách thức giải thoát, an vui. Như vậy, bản chất của an sinh xã hội là một phương tiện hoằng pháp, trên cả hai mặt vật chất và tinh thần.

Nếu như công tác an sinh trên lĩnh vực vật chất có thể lượng tính (chỉ mang tính tương đối vì nhiều vị tín đồ đã làm từ thiện mang tính Ba La Mật Đa - Một sự toàn hảo trong việc hiến tặng, như: giấu tên, tuổi cũng như số tiền hay vật đóng góp) thì hoạt động an sinh trên lĩnh vực tinh thần là rất khó thống kê bằng số liệu.

Hầu hết các chùa đều thành lập các đạo tràng tu học, như: khóa tu Bát quan trai giới, tu một ngày an lạc, niệm Phật, tụng kinh hay sám hối... Các đạo tràng tập hợp các Phật tử đến sinh hoạt, nghe sư trụ trì thuyết pháp, hay có thỉnh giảng sư của Ban Hoằng pháp Tỉnh về giảng giáo lý nhà Phật hoặc những bài đạo đức Phật giáo. Qua đó, Phật tử hiểu được luật nhân quả, sống tốt hơn, biết tu nhân tích đức, làm nhiều việc thiện.

Hầu hết những người gia nhập đạo đều ăn chay, thông thường là vào ngày rằm và mùng một (cũng có thể là 4 ngày hoặc 8, 10 ngày trong một tháng). Được sinh hoạt trong các đạo tràng tu học, được tu theo pháp môn mà mình theo, nghe sư trụ trì thuyết giảng về giáo lý Phật giáo, về cách sống của người con Phật, lo giữ giới trong Phật giáo quy định, ăn chay, thờ Phật, tụng kinh niệm Phật, các Phật tử cảm thấy trong lòng thoải mái, nhiều bức xúc của cuộc sống thường nhật bon chen được xua tan.

Khác với những tổ chức cứu trợ xã hội khác, chùa mang lại sức mạnh tinh thần, vì thế con người luôn đặt niềm tin vào Phật giáo, nơi mang lại cho con người một sức mạnh tinh thần to lớn, giúp con người có thể giải tỏa căng thẳng do áp lực cuộc sống.

Để thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, nhà chùa ngoài triển khai những hỗ trợ tức thời, trước mắt, còn phòng ngừa những vấn đề tiêu

cực xảy đến với các cá nhân, nhóm cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục. Nhiều chùa đã có trách nhiệm rất cao trong việc hướng dẫn người dân hướng thiện, tránh ác, hướng dẫn người dân làm công tác an sinh xã hội. Các trung tâm bảo trợ xã hội, nuôi trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, người già không neo đơn được thành lập tại nhiều chùa.

Các chương trình tiếp sức mùa thi, khóa tu mùa hè... đang được triển khai rộng ở nhiều ngôi chùa khắp miền Tổ quốc. Nhiều chùa tổ chức dạy học cho trẻ vào các buổi tối, các ngày cuối tuần, dịp hè. Nhiều chùa là điểm đến nương tựa đèn sách cho sinh viên nghèo suốt những năm đại học. Nhiều trẻ đã trưởng thành từ các trung tâm bảo trợ xã hội của nhà chùa và trở thành các nhà giáo, bác sĩ, doanh nhân... trở thành những công dân có ích, góp phần không nhỏ cho sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Điều đó đã làm cho Phật giáo gần với đời, giúp đỡ cho nhiều cảnh đời khó khăn, cứu được nhiều tâm hồn lầm lạc, góp phần giúp con người có thể an nhiên, tỉnh thức đối mặt với những cám dỗ, bộn chen, khổ đau và sinh tử.

3.2. Đề cao giá trị xã hội

Phật giáo quan niệm cuộc đời là khổ, mục đích căn bản của giáo lý của nhà Phật là nhằm giải thoát con người khỏi nỗi khổ. Nhưng giải thoát không có nghĩa là tu hành xuất thế lánh đời, mà ngược lại, giống như nhiều tôn giáo lớn khác, trong bản thân giáo lý và hoạt động của Phật giáo luôn mang ý thức về cộng đồng với một tinh thần trách nhiệm xã hội cao cả, hành động vì lợi ích của người khác và lợi ích chung cho tất cả mọi người. Giáo lý của nhà Phật là giải thoát sinh tử, đưa con người thoát khổ. Song, giải thoát chính là sự hoàn thành đầy đủ, tận tâm tận lực thực hiện mọi nghĩa vụ và bổn phận của một công dân trong xã hội, chứ không phải là trốn tránh xã hội. Có lẽ vì thế hai mệnh đề “hoằng dương Phật pháp” và “lợi lạc quần sinh” gắn liền với nhau trong giáo lý Phật giáo.

Trong kinh điển Phật giáo không có khái niệm “trách nhiệm xã hội”, song tinh thần trách nhiệm xã hội đã thấm đẫm trong tư tưởng của nhà Phật. *Kinh Hoa Nghiêm* có câu: “Bất vi tự kỷ cầu an lạc, dẫn nguyện

chúng sinh đắc ly khổ” (Không cầu yên lành cho bản thân, mà chỉ nguyện để chúng sinh thoát khổ). Hay như tinh thần của Địa Tạng Vương Bồ Tát: “Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật. Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ đề” (Địa ngục chưa hết người thì ta thề không thành Phật. Chỉ khi nào chúng sinh được độ hết thì ta mới chứng Bồ đề”).

Như vậy, trong quan niệm của Phật giáo, những việc làm như phóng sinh, tu phước, làm việc thiện chính là con đường để giúp con người có được một cuộc sống bình an, chuyển hóa tai ương. Ngoài ra, *Kinh Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn*, *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh...* đều nhắc đến tinh thần vô ngã, vị tha, tức khuyên con người sống có trách nhiệm với cộng đồng, biết thể hiện lòng nhân ái của mình đến với người khác.

Nhiều giáo lý căn bản của nhà Phật đề cập đến các đức hạnh căn bản, và các đức hạnh đó cũng thể hiện trách nhiệm đối với người khác, đối với nhân sinh, đối với xã hội. Do đó, trách nhiệm xã hội của Phật giáo cũng có thể hiểu chính là *Ngũ giới* (giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu), là *Tứ vô lượng* (từ, bi, hỷ, xả), là *Lục độ* (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ), là *Tứ nhiếp* (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự).

Kinh điển Phật giáo “Vô Minh La Sát Tập” có viết: “Năng thiện hài hòa, tạo tác nghiệp quả, chuyển luân sinh tử”, nghĩa là hòa hợp với người khác, làm những việc tạo ra sự hài hòa cũng là một công việc tạo thiện, tích đức, đồng thời cũng có tác dụng thoát ly sinh tử.

Phật giáo luôn kêu gọi bình đẳng giữa người với người, thúc đẩy sự hòa hợp trong xã hội. Chủ trương chúng sinh bình đẳng, các nước hòa bình, kêu gọi từ bi tế thế, đây là sự thể hiện cao nhất trách nhiệm xã hội của Phật giáo.

Do đó, trong quá trình thực hiện công tác bảo trợ xã hội, cứu trợ xã hội nói riêng và công tác an sinh xã hội nói chung Phật giáo không ngừng tuyên truyền nâng cao đạo đức qua những phương thức khác nhau, đó là hoạt động từ thiện, là công tác xã hội, tham gia tích cực vào công tác xã hội, vào sự nghiệp giáo dục, chăm sóc y tế cho tất cả mọi người, tích cực bảo vệ môi trường, bảo vệ sinh thái, v.v...

Quan niệm về trách nhiệm xã hội của Phật giáo còn thể hiện qua tình cảm, sự quan hoài của Phật giáo đối với xã hội và nhân sinh, cụ thể là triết lý “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Ý nguyện cứu độ những người không có duyên chính là thể hiện một tình cảm vô điều kiện, không vì bất cứ một lý do gì, cũng không phải vì thỏa mãn cái tôi, mà thuần túy là một hành động thuận tự nhiên. Có được động lực như vậy thì mới có thể “đồng thể đại bi”, nghĩa là coi người khác như chính bản thân mình, cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ người khác trên cơ sở bình đẳng, ngang hàng, không vụ lợi.

Xuất phát từ quan niệm Phật tính bình đẳng, mà con người ai cũng có Phật tính (“Chúng sinh giai hữu Phật tính”). Đạo Sinh trong “Pháp Hoa kinh sơ” có nói: “Nhất thiết chúng sinh, giai đương tác Phật” (Tất cả mọi người đều có thể thành Phật). Con người tự do ngay từ lúc sinh ra, vì vậy con người bình đẳng với nhau cả về nhân phẩm, quyền lợi và trách nhiệm. Đức Phật Thích Ca đã nói: “Tự vi tự y hỷ, tha nhân hà khả y? Tự kỷ thiện điều ngự, chúng nan đắc sở y” (“Tự mình là vị cứu tinh. Tự mình nương tựa vào mình tốt thay. Nào ai cứu được mình đây? Tự mình điều phục hàng ngày cho chuyên”)⁵.

Chính vì vậy, trong quá trình nhập thế hành đạo, Phật giáo đã sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người, mọi giai tầng trong xã hội một cách vô điều kiện, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

Xuất phát từ thuyết duyên khởi: “Cái này có thì cái kia có. Cái này không thì cái kia không. Cái này diệt thì cái kia diệt”, Phật giáo đã tìm thấy mối tương quan giữa mọi vật, mọi việc, giữa những con người khác nhau trong xã hội. Có lẽ vì thế, Phật giáo có sức mạnh quy tụ rất lớn mọi tầng lớp trong xã hội, tạo nên các mối dây liên hệ, khơi dậy được các giá trị nhân văn, nhân ái truyền thống của dân tộc, hướng con người vun đắp thiện tâm.

Các chương trình an sinh xã hội, vì cộng đồng của Phật giáo đều có sức thu hút và lan tỏa rộng rãi trong xã hội, có ảnh hưởng tích cực tới đời sống tâm hồn con người. Thông qua các chương trình giáo dục, các chương trình hướng tới vì cộng đồng, Phật giáo đã đi vào lối sống, nếp nghĩ của nhiều người dân Việt Nam từ những chuyện ăn ở, sinh hoạt hàng ngày đến những chuyện đối đức. Điều này không chỉ khẳng

định những giá trị tích cực mà Phật giáo đã mang lại cho xã hội và còn khẳng định sự tồn tại đúng đắn và sức sống của Phật giáo.

4. Sự vận dụng những triết lý an sinh xã hội trong các hoạt động nhân đạo trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

Trải qua gần 2.000 năm du nhập vào nước ta, Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo có truyền thống yêu nước với tinh thần “hộ quốc an dân”, đã sớm gắn bó với vận mệnh của đất nước, cùng trải qua bao thăng trầm và luôn đồng hành cùng dân tộc trong suốt quá trình truyền bá tư tưởng giáo lý Phật giáo.

Vì thế, khi đất nước hùng cường thì Phật giáo hưng thịnh; khi Tổ quốc lâm nguy, Phật tử sẵn sàng tham gia chống giặc ngoại xâm, góp phần giành lại độc lập cho dân tộc. Khi đất nước hòa bình, Phật tử lại cùng toàn dân tích cực tham gia xây dựng cuộc sống thông qua hoạt động thường xuyên phát huy truyền thống yêu nước thương nòi, trau dồi đạo đức, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và làm tất cả vì cuộc sống an lành, ấm no và hạnh phúc của mọi người.

Lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng đã có những minh chứng đóng góp quan trọng vào công cuộc dựng nước, giữ nước và bảo vệ Tổ quốc của Phật giáo. Qua nhiều triều đại quân chủ, nhiều vị vua, quan là Phật tử với sự hiểu biết Phật pháp đã vận dụng những tinh hoa trong tư tưởng, triết lý của Phật giáo phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước ngày càng cường thịnh.

Vì vậy, Phật giáo đã hòa nhập trong cộng đồng và xã hội Việt Nam, trở thành một bộ phận văn hóa tinh thần, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Đạo từ đời mà có và đạo lại đi vào đời để giúp cho đời đơm hoa kết trái. Theo đó, Phật giáo luôn không tách rời cuộc sống con người nên giữ đạo để làm đẹp cho đời là hạnh nguyện của Phật tử. Thực tế, Phật giáo đã thích ứng với mọi hoàn cảnh lịch sử và văn hóa của dân tộc, góp phần xây dựng sự đoàn kết, hòa hợp dân tộc.

Các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần đã thể hiện tinh thần tự chủ, độc lập, anh dũng của dân tộc, đồng thời khẳng định tinh thần gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Sự kiện các Thiền sư Không Lộ, Tuệ Tĩnh, Vạn Hạnh... đã hết lòng phò vua giúp nước, xây dựng xã

tắc vững bền vì muôn dân. Đặc biệt, Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã hai lần khoác áo chiến bào cùng toàn dân kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông; khi đất nước yên bình, Ngài nhường ngôi cho con và lên núi Yên Tử tu thiền trở thành Sơ tổ Phật giáo Trúc Lâm Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến lịch sử trong thế kỷ qua của nhân dân ta, Phật giáo đã có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc; nhiều chùa chiền, tịnh viện là cơ sở cách mạng, nuôi giấu cán bộ; nhiều nhà sư tạm gác áo cà sa để mặc chiến bào tham gia chiến đấu chống ngoại xâm góp phần giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Đó chính là những việc làm thể hiện tinh thần cao cả đối với non sông đất nước của những người con Phật. Sau khi giang sơn thu về một mối, hàng triệu tăng ni, Phật tử trong các tổ chức, hệ phái đã đồng lòng xây dựng một ngôi nhà chung của Phật giáo. Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra từ ngày 04 - 07/11/1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội với sự tham gia của 165 đại biểu đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo cả nước, đã hoàn toàn nhất trí thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sự kiện đó là một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Phật giáo và đã tạo nên sức mạnh to lớn, cùng chung sức, đồng lòng để hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, góp phần cùng toàn dân khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt do ngoại xâm gây ra.

Đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua 8 kỳ Đại hội, ngày càng trưởng thành và phát triển vững chắc, thu được những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực. Hệ thống tổ chức của Giáo hội được kiện toàn từ trung ương đến cơ sở và phát triển trên khắp cả nước với hơn 40 nghìn tăng ni và hàng chục triệu Phật tử; hàng vạn chùa chiền, tịnh viện được trùng tu, tôn tạo đẹp đẽ. Công tác giáo dục có nhiều chuyển biến rõ nét, đổi mới cả về nội dung và hình thức; hệ thống giáo dục được mở rộng, các cơ sở đào tạo tăng ni từ sơ cấp đến đại học được củng cố và xây dựng khang trang, đảm bảo cho hàng nghìn tăng ni sinh học tập.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tự hào đã có hệ thống đào tạo tăng tài với 4 Học viện Phật giáo, 01 trường cao đẳng, 32 trường trung cấp và hàng chục trường sơ cấp với đội ngũ giảng viên gồm gần một trăm

tăng, ni có học vị tiến sĩ, thạc sĩ; mỗi năm đào tạo trên 5.000 tăng ni sinh các cấp ở trong nước và cử hàng trăm học viên xuất sắc đi học tại nhiều trường đại học ở nước ngoài, như: Đại học New Dheli (Ấn Độ), Đại học Phật giáo Truyền giáo Nam tông Quốc tế Yangon (Myanmar), Phật Quang Sơn (Đài Loan)⁶.

Hoạt động nghi lễ nhân dịp lễ hội truyền thống hay những ngày lễ trọng được tổ chức trang trọng, thu hút đông đảo tín đồ, Phật tử tham dự như: Đại lễ Phật Đản, mùa Vu Lan báo hiếu... Hoạt động văn hóa được quan tâm: hàng triệu bản kinh sách được in hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu của tín đồ, báo chí được nâng cao cả về chất lượng và số lượng như các tờ: Giác Ngộ, Nghiên cứu Phật học, Khuông Việt, Trang thông tin điện tử.

Trong lĩnh vực hoằng dương chính pháp, Giáo hội thường xuyên tổ chức các đoàn đi thuyết pháp ở nhiều nơi; thông qua việc truyền bá triết lý và thực hành giáo lý Phật giáo để xây dựng đạo đức tốt đẹp, duy trì bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần giảm bớt tiêu cực và tệ nạn xã hội; hướng dẫn tín đồ tu tâm dưỡng tính, làm những việc thiện, tránh những việc ác, biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau thể hiện đức tính tốt đẹp của những người con Phật. Thông qua đó nhằm giúp con người tránh vô minh, chế ngự dục vọng, lòng tham lam để mang lại sự sáng suốt, an lạc, hạnh phúc và sẵn sàng làm mọi việc vì nước, vì dân, vì cộng đồng, góp phần ổn định xã hội.

Hoạt động từ thiện, nhân đạo của Phật giáo Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Đến nay đã có gần 130 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng chẩn trị y học dân tộc, 01 phòng khám đa khoa, hàng năm khám và phát thuốc miễn phí cho hàng chục ngàn lượt người.

Ngoài ra, Giáo hội còn tham gia nhiều hoạt động nhằm chia sẻ khó khăn với cộng đồng, như: hiện có hơn 1.000 lớp học tình thương, gần 40 cơ sở nuôi dạy hơn 20.000 trẻ em khuyết tật, mồ côi, trẻ bị ảnh hưởng chất độc da cam/dioxin; chăm sóc những người già không nơi nương tựa, tư vấn và nuôi dưỡng những người bị nhiễm HIV/AIDS, hiến máu nhân đạo; tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt và nhiều những việc làm nhân văn sâu sắc khác... Chỉ tính riêng trong năm 2011, số tiền làm công tác từ thiện, nhân đạo đã lên tới trên 800 tỷ đồng⁷.

Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đồng hành cùng nhân dân cả nước tiến hành công cuộc đổi mới trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và với phương châm “phụng đạo, yêu nước”.

Giáo hội đã quan tâm hướng dẫn tín đồ, Phật tử sinh hoạt theo đúng chính pháp, góp phần xây dựng cuộc sống lành mạnh của người dân và có những hoạt động đáp ứng nhu cầu cuộc sống tinh thần và vật chất của con người; phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của tăng ni, Phật tử nên đã tạo thành một sức sống mãnh liệt, là nguồn cổ vũ lớn lao cho tăng ni, Phật tử ở trong nước và ngoài nước tin tưởng vào đường hướng hành đạo của Giáo hội, góp phần làm cho Giáo hội ngày càng phát triển vững mạnh trong lòng dân tộc. Đó là thể hiện tinh thần Phật giáo Việt Nam luôn duy trì và phát huy truyền thống từ ngàn xưa, theo lời dạy của Đức Phật thực hiện lý tưởng hoằng dương chính pháp, phụng đạo giúp đời; vừa đẩy mạnh hoạt động Phật sự, vừa tích cực tham gia hoạt động xã hội vì cuộc sống an lạc của con người không ngoài mục đích “Phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật”.

Thực tế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn kiên định đường hướng hoạt động, tuyên truyền, vận động tăng ni, Phật tử tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp sức người và sức của cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đấu tranh với các lực lượng lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo ở Việt Nam. Ngoài ra, Giáo hội còn tăng cường tham gia các hoạt động đối ngoại nhằm quảng bá những thành tựu của Phật giáo Việt Nam và chính sách của Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng; đồng thời còn góp phần là cầu nối giữa tăng ni, Phật tử, kiều bào Việt Nam ở nước ngoài thông qua các hoạt động Phật giáo, quy tụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc.

Như vậy, vai trò trách nhiệm của Phật giáo trong việc giúp mọi người hiểu và sống hướng thiện, khoan dung với tinh thần từ bi, hỷ xả được đề cao, Phật giáo góp phần giáo dục con người hướng thiện nhằm giảm bớt những điều xấu, những tội lỗi đang làm suy giảm những nét đẹp của văn hóa truyền thống của dân tộc.

Kết luận

An sinh xã hội trong Phật giáo là một hệ thống, chính sách trong công tác từ thiện, trợ giúp của giáo hội, các giải pháp của cộng đồng giáo hội nhằm trợ giúp mọi thành viên trong các nhóm xã hội đối phó với rủi ro, những cú sốc về kinh tế xã hội, làm cho họ suy giảm mất nguồn thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn, bệnh tật, già cả không còn sức lao động, nghèo khó... Giáo hội có những chương trình chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, thông qua hệ thống vận động riêng của Giáo hội nhằm tác động để giảm thiểu rủi ro, nâng cao đời sống của cộng đồng bằng những trợ giúp về y tế, xã hội.

Các hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo không chỉ là sự thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ cứu nạn của những người con Phật mà dưới góc độ nghiên cứu Tôn giáo học thì đó chính là những biểu hiện quan trọng thể hiện chức năng hỗ trợ xã hội của Phật giáo. Đó là sự hỗ trợ vật chất cho con người trong lúc cần thiết, đồng thời cũng là một niềm an ủi tinh thần lớn lao cho những ai được tiếp cận, thụ hưởng. *Vì vậy, có thể xem công tác an sinh xã hội của Phật giáo là một trong những nguồn vốn xã hội, vốn cộng đồng quan trọng. /.*

CHÚ THÍCH:

- 1 Xuân Danh (2010), “Mái ấm tình thương chùa Bồ Đề”, *Báo Người Lao Động*, số ra ngày thứ Hai, ngày 22/3/2010: 9.
- 2 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2008), *Kinh Diệu pháp Liên Hoa*, Thích Trí Tịnh dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 15.
- 3 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2008), *Kinh Diệu pháp Liên Hoa*, Thích Trí Tịnh dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 570.
- 4 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kinh Pháp Cú, Phẩm Song Yếu, kệ số 1*, Thích Trí Đức dịch: 18.
- 5 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kinh Pháp Cú, Phẩm Song Yếu, kệ số 1*, Thích Trí Đức dịch.
- 6 *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện*, Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội tổ chức tại Kiên Giang, 2017.
- 7 *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện*, Tlđđ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xuân Danh (2010), “Mái ấm tình thương chùa Bồ Đề”, *Báo Người Lao Động*, số ra ngày thứ Hai, ngày 22/3/2010.

2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2008), *Kinh Diệu pháp Liên Hoa*, Thích Trí Tịnh dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kinh Pháp Cú, Phẩm Song Yếu, kệ số 1*, Thích Trí Đức dịch.
4. *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện*, Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội tổ chức tại Kiên Giang, 2017.

Abstract

RESEARCH ON SOCIAL SECURITY OF BUDDHISM

Le Dai Hanh

*Tan Duc Buddhist Temple,
Chau Thanh Dist., Ben Tre Province*

At the beginning of its formation, Buddhism embodied the spirit of saving, salvation of human beings in the Buddha's teachings. Six methods of cultivation include Dana (almsgiving), morality, patience, diligence, meditation, Mati (capacity of discernment), they are the path to Avabodha (knowledge), almsgiving is the first thing must be done. The forms of Buddhist propagation do not only help many lives being deliverence or less painful, but they also contribute to the betterment of the states and societies. In particular, the social security, social justice, social charity which was always emphasized by the Buddha. The article explores social security and its value of Buddhism.

Keywords: Social security; religious education; Buddhism.